

Vietnam Daily Review

VN-Index tiếp tục giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường			
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/12/2022		•	
Tuần 19/12-23/12/2022		•	
Tháng 12/2022			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay tiếp tục có một phiên giằng co trong vùng 1,020 ± 10 điểm với thanh khoản thấp. Kết phiên, chỉ số tăng nhẹ gần 4 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/19 ngành tăng điểm, dẫn đầu đà tăng là ngành Dầu khí và Ô tô & phụ tùng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 2.5 nghìn tỷ trên sàn HSX với mã bị bán ròng mạnh nhất là EIB (gần 3 nghìn tỷ). Trong những phiên tới, thị trường có thể sẽ tiếp tục có những phiên giằng co đi ngang.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/12/2022, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+3.73** điểm, đóng cửa **1022.61** điểm. HNX-Index **+1.33** điểm, đóng cửa **205.79** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+1.35)**, **VCB (+0.71)**, **VHM (+0.55)**, **BID (+0.51)**, **PLX (+0.37)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-1.42)**, **GAS (-1.1)**, **HAV (-0.44)**, **EIB (-0.25)**, **MSN (-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,417** tỷ đồng, giảm **-21.38%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12,898 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.64 điểm. Thị trường có **232** mã tăng, 95 mã tham chiếu, **152** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2552.77** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **EIB (-2908.43 tỷ)**, **DXG (-13.72 tỷ)**, **VRE (-13.24 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **23.74** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1022.61**
Giá trị: 8417.09 tỷ **3.73 (0.36%)**
Khối ngoại (ròng): -2552.77 tỷ

HNX-INDEX **205.79**
Giá trị: 774.05 tỷ **1.33 (0.65%)**
Khối ngoại (ròng): 23.74 tỷ

UPCOM-INDEX **70.83**
Giá trị: 231.1 tỷ **0.13 (0.18%)**
Khối ngoại (ròng): -1.08 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	78.4	0.17%
Giá vàng	1,819	0.25%
Tỷ giá USD/VND	23,692	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,917	0.20%
Tỷ giá JPY/VND	17,976	0.00%
LS liên NH 1 tháng	7.1%	0.63%
LS TPCP 5 năm	4.8%	-0.25%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	69.53	EIB	-2908.43
VHM	38.08	DXG	-13.72
NVL	25.52	VRE	-13.24
SSI	24.84	VNM	-10.60
CTG	24.34	KBC	-8.28
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất phân tích kỹ thuật	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Danh mục đầu tư cơ bản	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

BSC

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 22/12

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	78.29	2.70%	1.27%	-3.02%	8.24%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	82.44	3.06%	-0.32%	-6.00%	10.11%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.26	1.64%	0.66%	-7.55%	4.17%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1814.82	-0.14%	0.42%	4.29%	0.63%		PNJ
Bạc	Ounce	23.98	-0.79%	0.33%	13.73%	5.28%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1481.25	0.19%	-0.07%	3.60%	10.96%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	766.50	2.13%	2.30%	-5.43%	-5.84%	AFX	
Sữa	Cwt	20.55	0.15%	0.10%	-2.28%	11.38%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	132.00	0.08%	-5.10%	4.18%	-21.89%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR
Đường	LB	20.75	0.83%	2.27%	5.12%	7.74%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS
Chè	Kg	2.91	0.00%	1.75%	2.46%	-4.90%		
Cà phê	LB	169.35	0.92%	0.62%	4.67%	-27.49%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.81	0.21%	-1.80%	5.28%	-13.35%	CAV. SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3918.00	0.93%	-0.15%	6.27%	-15.87%		HPG
Nhôm	Ton	2389.00	0.70%	-2.25%	-1.65%	-15.42%	CAV, SAM, TGP	
Quặng sắt	Ton	110.50	0.45%	0.00%	13.33%	-9.43%	HPG	
Than đá	Ton	400.05	-0.32%	-1.22%	13.97%	136.72%	HT1,HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn giao tháng 2 kết thúc phiên tăng 2.21 USD, tương đương 2.76%, lên 82.20 USD/thùng, trong khi dầu ngọt nhẹ Mỹ (WTI) tăng 2.06 USD, tương đương 2.7%, lên 78.29 USD.
- Giá dầu tăng hơn 2 đô la một thùng vào thứ Tư sau khi dữ liệu cho thấy dự trữ dầu thô của Mỹ giảm nhiều hơn dự kiến, nhưng mức tăng bị hạn chế bởi một cơn bão tuyết dự kiến sẽ “tấn công” vào các kế hoạch đi du lịch của các gia đình Mỹ.

Giá vàng

- Kết thúc phiên, giá vàng giao ngay ổn định ở mức 1,817.95 USD/ounce, sau khi tăng hơn 1% vào thứ Ba do đồng đô la giảm; vàng kỳ hạn tháng 2/2023 cũng không thay đổi so với phiên trước đó, ở mức 1,825.40 USD.
- Giá vàng gần như không thay đổi trong ngày 21/12, duy trì trên ngưỡng quan trọng 1,800 USD, do kỳ vọng về việc Mỹ tăng lãi suất chậm lại là yếu tố tích cực hỗ trợ giá tương, nhưng sự gia tăng của đồng đô la lại ngăn giá tăng lên.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc kết thúc phiên tăng 3.6% lên 829 nhân dân tệ (118.88 USD)/tấn. Trên Sàn giao dịch Singapore, quặng sắt kỳ hạn tháng 1 tăng 2.1% lên 111.60 USD/tấn.
- Giá quặng sắt và thép kỳ hạn trên thị trường Trung Quốc tăng vào thứ Tư, phục hồi sau hai ngày giảm, với thông tin Tập đoàn Evergrande Trung Quốc đã nối lại hoạt động trong một số dự án bất động sản, làm giảm bớt lo ngại của thị trường – về triển vọng tăng trưởng kinh tế sa sút.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica giao tháng 3 tăng 1.55 cent, tương đương 0.9%, lên c 1.6935 USD/lb. Đồng real của Brazil mạnh lên so với đồng đô la đang hỗ trợ giá cà phê arabica. Sản lượng cà phê thế giới được dự báo sẽ phục hồi vào niên vụ 2022/23, chủ yếu là do vụ mùa bội thu ở Brazil, thông tin từ Bộ Nông nghiệp Mỹ cho biết. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 3 cũng tăng, kết thúc phiên tăng thêm 0.6%, lên 1,879 USD/tấn, sau khi chạm mức thấp nhất kể từ ngày 6/12 vào thứ Ba – là 1,851 USD.

Thị trường chứng khoán thế giới

	22/12	% 22/12	21/12	% 21/12	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1022.61	0.37%	1018.88	-14.98%	-3.10%	7.40%
S&P 500			3878.44	1.49%	-2.93%	-2.19%
HDTL S&P500	3912.50	0.17%	3905.75	-3.42%	-0.38%	-1.98%
Shang-hai	3054.43	-0.46%	3068.41	-4.95%	-3.60%	-1.12%
Euro Stoxx	3877.73	0.14%	3872.15	7.44%	1.10%	-1.33%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/19/2022	VCS	57.7	70.5	53.3	56.4	3	-2.25%	Có thể tiếp tục mua
12/15/2022	TLG	51.1	60	45.5	50.5	7	-1.17%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

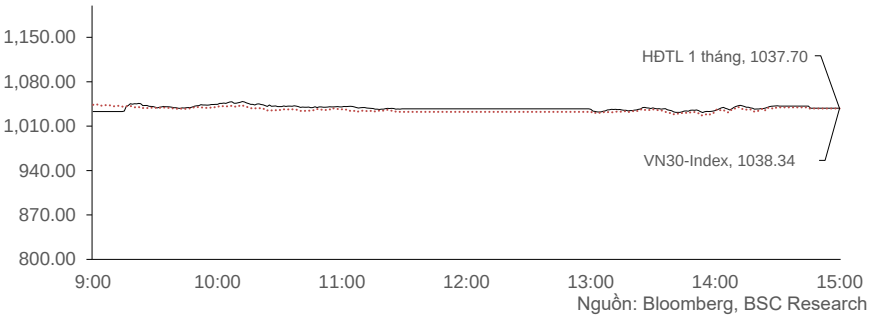
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/16/2022	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
8/5/2022	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
8/4/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
8/3/22	REE	81.2	93	78.5	SL	54	-3.33%
8/2/22	POW	13.75	16	13	SL	55	-5.45%
8/1/22	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
7/18/2022	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	2	0.00%	-1.71%	-1.71%	5
Cổ phiếu đã chốt	250	229	7.06%	-7.48%	4.04%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2301	1037.70	0.07%	-0.64	-11.0%	363,217	1/19/2023	35
VN30F2302	1035.50	0.63%	-2.84	-17.8%	444	2/16/2023	56
VN30F2303	1023.50	0.28%	-14.84	-40.9%	52	3/16/2023	84
VN30F2306	1014.20	0.70%	-24.14	-23.4%	95	6/15/2023	175

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 5.24 điểm lên 1038.34 điểm, biên độ dao động 17.55 điểm. Các cổ phiếu như VPB, KDH, MBB, TPB, và VHM đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 có một phiên giằng co từ khi mở cửa. Vẫn tiếp tục xuất hiện những cây nến thân nhỏ cho thấy tâm lý phân vân của nhà đầu tư trong ngắn hạn. Thanh khoản vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện khi tiếp tục nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2302 giảm, các hợp đồng còn lại tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2211	3/31/2023	99	1.33:1	842,700	43.48%	2,450	350	20.69%	305	1.15	23,605	35,000	18,450
CVPB2212	8/31/2023	252	2.66:1	909,800	43.48%	1,700	410	17.14%	396	1.03	25,497	37,000	18,450
CSTB2220	3/2/2023	70	2:1	156,900	55.56%	2,100	1,020	14.61%	948	1.08	25,540	24,500	23,400
CVPB2213	3/2/2023	70	1.33:1	304,300	43.48%	2,900	890	11.25%	581	1.53	21,327	30,500	18,450
CSTB2214	1/9/2023	18	2:1	485,000	55.56%	1,630	790	5.33%	657	1.20	23,940	23,000	23,400
CMBB2211	8/31/2023	252	4:1	711,900	44.84%	1,200	210	5.00%	166	1.26	27,920	27,000	18,000
CVRE2218	3/1/2023	69	5:1	721,600	45.72%	1,000	490	4.26%	281	1.75	33,538	27,888	26,000
CHPG2224	3/1/2023	69	4:1	440,000	49.94%	1,000	410	2.50%	157	2.62	24,502	22,222	18,900
CSTB2222	3/1/2023	69	4:1	334,900	55.56%	1,000	1,240	0.81%	1,045	1.19	24,622	20,222	23,400
CHPG2225	6/6/2023	166	3:1	307,800	49.94%	1,550	1,420	0.71%	1,220	1.16	20,870	17,000	18,900
CSTB2223	3/1/2023	69	4:1	492,300	55.56%	1,000	1,100	0.00%	898	1.22	24,471	21,111	23,400
CSTB2215	3/28/2023	96	5:1	480,500	55.56%	1,100	890	0.00%	666	1.34	25,722	22,222	23,400
CMBB2213	6/6/2023	166	3:1	157,100	44.84%	1,550	1,190	0.00%	939	1.27	20,600	17,000	18,000
CVNM2207	3/28/2023	96	15.4:1	240,100	29.12%	1,100	1,030	0.00%	670	1.54	88,476	68,668	77,000
CMBB2213	6/6/2023	166	3:1	157,100	44.84%	1,550	1,190	0.00%	939	1.27	20,600	17,000	18,000
CPOW2204	3/28/2023	96	5:1	1,026,400	49.20%	1,000	180	0.00%	48	3.73	15,479	13,979	10,700
CHPG2215	3/28/2023	96	10:1	679,400	49.94%	1,000	200	0.00%	71	2.80	25,499	22,999	18,900
CTCB2214	6/6/2023	166	3:1	340,700	47.22%	2,470	1,410	-0.70%	1,358	1.04	31,680	27,000	27,700
CVNM2210	3/2/2023	70	5:1	77,100	29.12%	2,700	2,200	-0.90%	1,315	1.67	87,750	73,000	77,000
CSTB2218	3/31/2023	99	2:1	1,332,700	55.56%	2,100	360	-7.69%	642	0.56	28,560	28,000	23,400
Tổng				10,198,300	47.43%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/12/2022, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CMBB2207 và CTCB2207 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 75% và 50%. Giá trị giao dịch giảm -23.21%. CSTB2223 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.49%.
- CHPG2216, CSTB2217, CSTB2218, và CSTB2211 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2222, CSTB2223, CVNM2211, và CVNM2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2211, CVNM2210, CSTB2222, và CFPT2212 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	46.5	0.2%	1.0	2,959	3.0	3,504	13.3	2.9	49.0%	24.0%
PNJ	Bán lẻ	109.0	-0.5%	0.7	1,166	1.1	7,720	14.1	3.2	49.0%	25.9%
BVH	Bảo hiểm	48.2	0.4%	1.0	1,556	0.6	2,359	20.4	1.6	26.8%	8.0%
PVI	Bảo hiểm	45.7	0.0%	0.8	465	0.0	2,959	15.4	1.4	59.2%	9.6%
VIC	Bất động sản	55.0	0.2%	0.5	9,120	5.9	290	189.8	1.9	12.8%	1.0%
VRE	Bất động sản	26.0	0.0%	1.1	2,569	2.3	909	28.6	1.8	32.8%	6.6%
VHM	Bất động sản	49.0	1.0%	0.9	9,277	4.6	7,221	6.8	1.6	24.2%	25.2%
DXG	Bất động sản	13.7	2.2%	1.9	362	4.9	1,390	9.8	0.9	27.3%	9.2%
SSI	Chứng khoán	19.1	-1.0%	1.7	1,237	10.9	2,253	8.5	1.3	41.3%	14.5%
VCI	Chứng khoán	25.8	1.2%	1.0	489	4.5	3,018	8.5	1.7	20.0%	20.2%
HCM	Chứng khoán	22.0	-0.7%	1.6	437	3.5	2,087	10.5	1.3	42.6%	14.5%
FPT	Công nghệ	77.2	0.0%	0.9	3,682	2.2	4,803	16.1	4.3	49.0%	28.5%
FOX	Công nghệ	51.9	1.4%	0.4	741	0.0	4,926	10.5	2.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	101.2	-2.2%	0.9	8,421	1.1	6,968	14.5	3.4	2.9%	25.5%
PLX	Dầu khí	30.7	3.9%	1.5	1,693	0.8	738	41.6	1.7	18.0%	3.8%
PVS	Dầu khí	22.4	2.8%	1.4	465	3.5	1,044	21.5	0.9	18.4%	4.1%
BSR	Dầu khí	13.5	1.5%	0.8	1,820	2.1	2,108	6.4	1.1	41.1%	19.1%
DHG	Dược	84.9	-0.6%	0.3	483	0.0	6,822	12.4	2.7	54.2%	23.2%
DPM	Hóa chất	43.7	-0.5%	1.4	744	1.4	15,533	2.8	1.3	19.4%	56.1%
DCM	Hóa chất	28.0	3.7%	1.3	644	2.0	7,691	3.6	1.5	12.1%	49.8%
VCB	Ngân hàng	79.3	0.8%	0.9	16,317	3.7	5,584	14.2	2.9	23.6%	22.2%
BID	Ngân hàng	39.0	1.0%	1.0	8,577	2.3	3,201	12.2	2.0	17.2%	18.1%
CTG	Ngân hàng	27.6	0.4%	1.4	5,767	4.0	3,239	8.5	1.3	27.8%	15.5%
VPB	Ngân hàng	18.5	4.5%	1.2	5,385	42.2	2,995	6.2	1.3	17.7%	23.3%
MBB	Ngân hàng	18.0	1.7%	1.4	3,548	6.0	3,876	4.6	1.1	23.2%	27.3%
ACB	Ngân hàng	22.9	0.4%	1.1	3,363	1.9	3,922	5.8	1.4	30.0%	27.0%
BMP	Nhựa	60.1	1.2%	0.7	214	0.1	6,869	8.7	1.9	85.9%	22.9%
NTP	Nhựa	31.8	-0.3%	0.6	179	0.0	3,961	8.0	1.4	17.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	11.4	1.8%	1.5	545	0.1	178	64.0	0.9	10.1%	1.4%
HPG	Thép	18.9	0.0%	1.4	4,778	15.8	2,662	7.1	1.1	21.4%	17.0%
HSG	Thép	12.6	-4.6%	1.8	326	7.7	439	28.6	0.7	7.4%	2.3%
VNM	Tiêu dùng	77.0	-1.7%	0.5	6,997	5.4	3,778	20.4	5.2	55.7%	25.4%
SAB	Tiêu dùng	175.3	0.2%	0.8	4,888	0.9	8,428	20.8	4.6	62.6%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	94.4	-0.5%	1.1	5,843	1.5	6,744	14.0	5.2	30.4%	40.5%
SBT	Tiêu dùng	15.0	2.7%	1.5	438	2.4	1,206	12.4	1.1	11.1%	9.1%
ACV	Vận tải	84.0	0.5%	0.8	7,951	0.2	363	231.5	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	111.3	-0.3%	1.1	2,621	1.1	114	974.8	3.4	16.9%	0.4%
HVN	Vận tải	13.5	-5.6%	1.7	1,295	2.1	(4,005)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	46.2	1.5%	0.8	605	0.3	3,063	15.1	2.0	48.9%	14.2%
PVT	Vận tải	21.5	4.4%	1.3	303	1.5	2,528	8.5	1.2	19.5%	15.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	56.4	0.2%	0.9	392	0.3	7,783	7.2	1.8	3.1%	26.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.5	-1.7%	1.0	692	1.3	4,399	8.1	2.1	6.2%	28.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	10.3	-1.4%	1.3	170	0.1	652	15.7	0.8	2.0%	4.7%
CTD	Xây dựng	33.9	1.0%	1.5	109	0.4	(832)	#N/A N/A	0.3	52.3%	-0.7%
CII	Xây dựng	13.3	3.9%	1.6	146	1.4	1,464	9.1	0.6	8.6%	7.1%
REE	Điện	73.5	0.0%	-1.4	1,136	0.5	7,767	9.5	1.8	49.1%	20.2%
PC1	Điện	20.8	-0.5%	-0.4	245	1.0	1,507	13.8	1.1	4.2%	8.7%
POW	Điện	10.7	2.4%	0.6	1,089	3.1	499	21.5	0.8	4.8%	3.9%
NT2	Điện	27.8	4.7%	0.7	347	0.4	2,858	9.7	1.8	16.3%	19.2%
KBC	Khu công nghiệp	21.4	-0.5%	1.6	714	3.1	2,934	7.3	1.0	19.1%	15.4%
BCM	Khu công nghiệp	80.0	1%	0.9	3,600	0.4	1,654	48.4	4.7	3.0%	12.2%

Thống kê thị trường

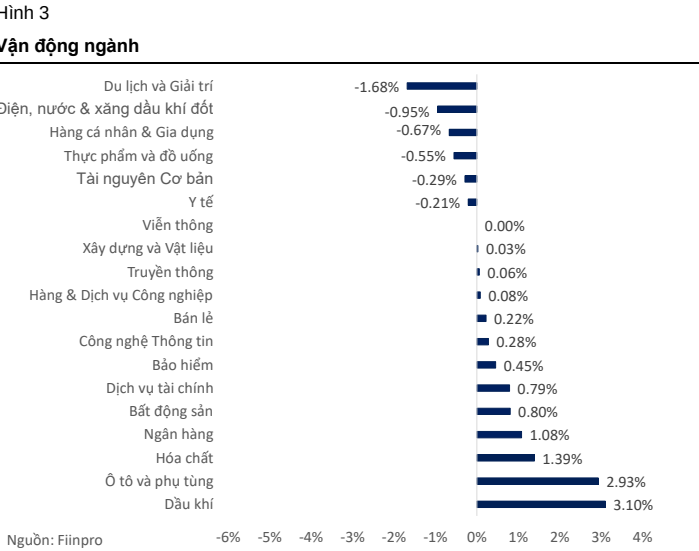
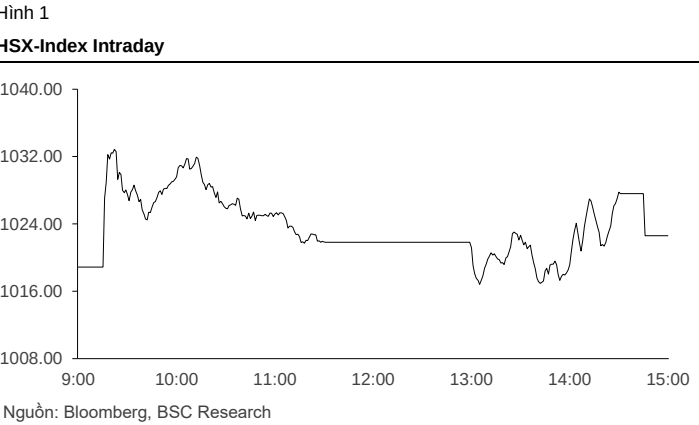
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	18.45	4.53	1.35	52.43MLN
VCB	79.30	0.76	0.71	1.07MLN
VHM	49.00	1.03	0.55	2.17MLN
BID	39.00	1.04	0.51	1.34MLN
PLX	30.65	3.90	0.37	608700

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VNM	77.00	-3.39	-1	1.59MLN
GAS	101.20	-2.22	-1	254000
HVN	13.45	-5.61	0	3.62MLN
EIB	28.00	-2.78	0	4.70MLN
MSN	94.40	-0.53	0	371000

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EVF	7.81	6.99	0.05	1.16MLN
DHA	36.00	6.98	0.01	196900
KDH	26.85	6.97	0.32	1.51MLN
SVC	108.00	6.93	0.06	700
THI	23.15	6.93	0.02	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	77.00	-3.39	-1.42	1.59MLN
GAS	101.20	-2.22	-1.10	254000
HVN	13.45	-5.61	-0.44	3.62MLN
EIB	28.00	-2.78	-0.25	4.70MLN
MSN	94.40	-0.53	-0.18	371000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

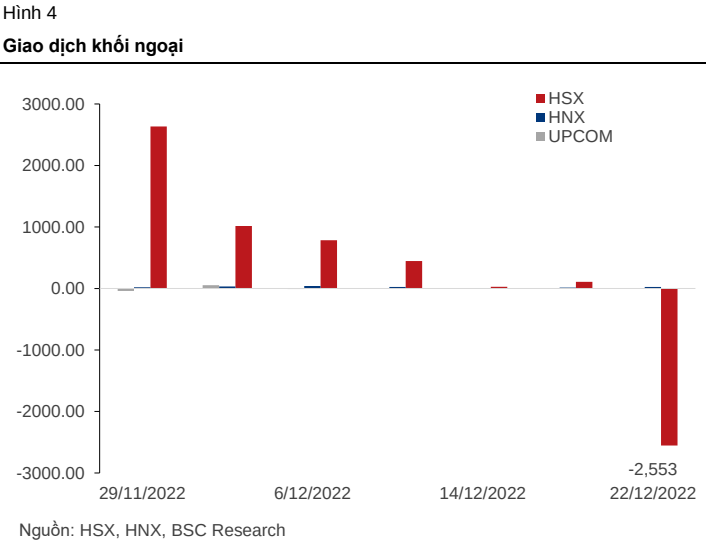
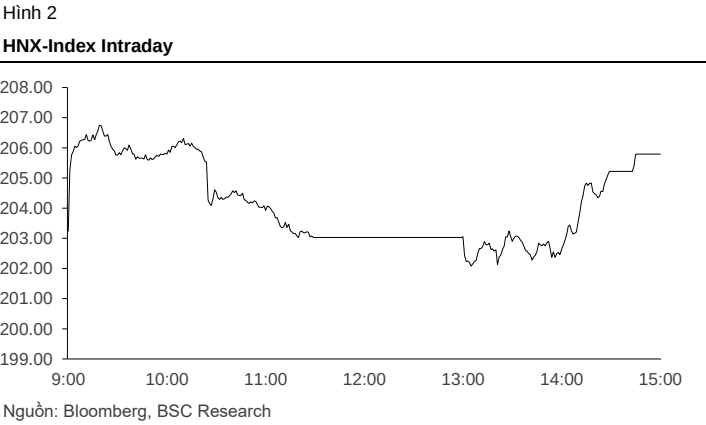


Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	19.70	4.79	0.29	9.00MLN
KSF	70.60	1.58	0.24	74300
PVS	22.40	2.75	0.24	3.64MLN
IDC	34.30	0.88	0.12	1.89MLN
PTI	44.00	7.32	0.12	1000

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	8.90	-2.20	-0.24	16.13MLN
OCH	7.40	-5.13	-0.06	126600
HUT	14.40	-0.69	-0.05	1.55MLN
DNP	24.20	-0.82	-0.03	2000
S99	7.50	-2.60	-0.02	143700

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ADC	18.80	9.9	0.00	100
CAN	48.70	9.9	0.01	100
GDW	21.10	9.9	0.00	100
EVS	11.30	9.7	0.11	180100
TSB	12.60	9.6	0.01	4100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L40	18.90	-10.00	0.00	100
TXM	3.60	-10.00	0.00	100
SJ1	11.80	-9.92	-0.02	1600
PTD	13.00	-9.72	0.00	1000
BST	15.80	-9.71	0.00	800



Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	84.0	363	231.5	4.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	109.0	7,720	14.1	3.2	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	17.7	0	#N/A N/A	0.7	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	77.2	4,803	16.1	4.3	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	60.1	6,869	8.7	1.9	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	50.5	5,795	8.7	1.9	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	26.9	1,786	15.0	1.7	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	31.0	10,803	2.9	1.0	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	68.3	12,293	5.6	1.6	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	40.9	4,727	8.6	1.6	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	13.5	2,108	6.4	1.1	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	30.5	1,016	30.0	1.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	13.7	1,390	9.8	0.9	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	18.9	2,662	7.1	1.1	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	14.2	1,409	10.1	0.7	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	43.7	15,533	2.8	1.3	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	10.3	652	15.7	0.8	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	27.8	2,858	9.7	1.8	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	17.7	0	#N/A N/A	0.7	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	21.2	3,943	5.4	0.7	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	15.6	1,278	12.2	1.4	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	20.8	1,507	13.8	1.1	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	10.7	499	21.5	0.8	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	13.3	2,826	4.7	0.6	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	73.5	7,767	9.5	1.8	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	24.0	4,406	5.4	0.6	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	101.2	6,968	14.5	3.4	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	22.1	4,889	4.5	1.0	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	18.9	2,662	7.1	1.1	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	10.6	3,944	2.7	1.0	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	13.5	2,108	6.4	1.1	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	52.0	3,936	13.2	4.0	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	109.0	7,720	14.1	3.2	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.6	2,761	5.3	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	27.8	2,858	9.7	1.8	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	54.8	11,143	4.9	1.0	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	71.8	5,327	13.5	4.4	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	20.8	1,507	13.8	1.1	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	11.9	671	17.7	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	77.2	4,803	16.1	4.3	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	20.8	2,642	7.9	1.4	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	13.3	2,826	4.7	0.6	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	10.7	499	21.5	0.8	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	109.0	7,720	14.1	3.2	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	46.5	3,504	13.3	2.9	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.5	2,528	8.5	1.2	Click

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	22.9	19.1	19.90%	24	6.55%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	84.0	74.7	12.45%	90	7.14%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	80.0	75.0	6.67%	94	17.75%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	13.5	13.6	-0.74%	19	38.52%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	52.0	37.7	37.93%	51	-1.54%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	14.2	10.6	33.96%	14	-0.70%	Click
7	DRC	Ôtô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	20.8	17.1	21.64%	28	34.62%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	77.2	65.9	17.15%	85	9.59%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	71.8	59.8	20.07%	75	4.87%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.0	12.2	6.56%	16	20.77%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	34.3	29.0	18.28%	43	26.53%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	21.4	16.7	28.14%	18	-15.42%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	21.2	18.9	12.17%	24	11.32%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	46.5	37.9	22.69%	50	8.17%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	109.0	94.1	15.83%	119	9.08%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	10.7	10.5	2.39%	13	21.50%	
17	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	17.7	13.6	30.15%	20	11.30%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	22.4	19.1	17.28%	28	25.00%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	21.5	17.5	22.86%	24	13.02%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.0	12.0	8.33%	16	23.08%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	73.5	70.2	4.70%	86	17.01%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	79.3	75.0	5.73%	90	13.87%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	39.7	34.9	13.75%	48	20.91%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	68.3	74.9	-8.81%	87	27.67%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	77.0	77.0	0.00%	86	11.56%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	26.0	25.0	4.00%	32	22.31%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.



Kim
Phân tích định lượng

Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.



Hòa
Phân tích phái sinh

Trợ lý phái sinh (Hòa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M



Mộc
Phân tích cơ bản

Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.



Thổ
Phân tích chứng quyền

Trợ lý chứng quyền (Thổ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.



Thủy
Bảo cáo phân tích

Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- Tiện ích
- Đầy đủ thông tin
- Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM



8

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
8	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
13	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
14	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
16	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
18	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
21	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
23	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
24	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
26	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
27	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
30	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
33	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
36	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
39	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
41	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
43	Banking Sector Outlook		x	Click
44	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639